

Số: 70/TB-THHTĐ

Hồng Thái Đông, ngày 04 tháng 4 năm 2020

THÔNG BÁO

Công khai Kế hoạch phát triển năm học 2020-2021; Danh mục mua sắm TBDDH tối thiểu của nhà trường 2020; Thực hiện Ngân sách quý I năm 2020

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 “Nghị định về thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập” của Chính Phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường;

Căn cứ Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường tiểu học và Thông tư số 50/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2012/TT-BGDĐT;

Căn cứ Công văn số 286/PGD&ĐT ngày 17/09/2019 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học, năm học 2019-2020;

Căn cứ kế hoạch số 223/KH-THHTĐ ngày 08/10/2019 của Trường TH Hồng Thái Đông về việc Thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020;

Căn cứ kế hoạch số 271/KH-THHTĐ ngày 15/10/2019 của Trường TH Hồng Thái Đông về việc thực hiện quy chế công khai năm học 2019-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-THHTĐ ngày 04 tháng 4 năm 2020 của trường Tiểu học Hồng Thái Đông về việc công khai Kế hoạch phát triển năm học 2020-2021; Danh mục mua sắm TBDDH tối thiểu của nhà trường 2020; Thực hiện Ngân sách quý I năm 2020 của trường Tiểu học Hồng Thái Đông;

I. Trường Tiểu học Hồng Thái Đông thông báo công khai Công Kế hoạch phát triển năm học 2020-2021; Danh mục mua sắm TBDDH tối thiểu của nhà trường 2020; Thực hiện Ngân sách quý I năm 2020.

cụ thể như sau:

1. Kế hoạch phát triển năm học 2020-2021;
2. Danh mục mua sắm TBDDH tối thiểu của nhà trường 2020;
3. Thực hiện Ngân sách quý I năm 2020;

II. Thời gian công khai: 30 ngày (từ ngày 04/4/2020 đến ngày 04/5/2020)

III. Địa điểm công khai: Bảng thông báo, trang web của nhà trường.

Trên đây là Thông báo công khai Kế hoạch phát triển năm học 2020-2021; Danh mục mua sắm TBDDH tối thiểu của nhà trường 2020; Thực hiện Ngân sách quý I năm 2020 của trường Tiểu học Hồng Thái Đông.

Nơi nhận:

- CBGV-NV(n/b);
- Lưu: HSCK.

HIỆU TRƯỞNG



The image shows a red circular official stamp of the school, with the text "TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒNG THÁI ĐÔNG" in the center. Overlaid on the stamp is a blue ink signature. Below the stamp, the name "Vũ Quế Nga" is printed in black.

Vũ Quế Nga

Số: 36/KH-THHTD

Hồng Thái Đông, ngày 10 tháng 2 năm 2020

KẾ HOẠCH
Phát triển giáo dục năm học 2020-2021

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch.

Căn cứ công văn số 1200/PGD&ĐT ngày 11/12/2019 của PGD&ĐT thị xã Đông Triều về việc lập kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2020-2021;

Căn cứ vào kết quả đã đạt được trong năm học 2020-2021 và tình hình thực tế của nhà trường;

Trường Tiểu học Hồng Thái Đông xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2020-2021 như sau:

II. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1. Đặc điểm tình hình nhà trường.

** Thuận lợi.*

- Được sự quan tâm lãnh đạo của UBND thị xã, Phòng GD&ĐT, Đảng ủy, Chính quyền địa phương và các ban ngành đoàn thể tại địa phương, sự đồng thuận của PHHS trong việc xây dựng cơ sở vật chất nhà trường theo hướng kiên cố hóa và chuẩn hóa trường lớp.

- Trường đủ cơ cấu bộ máy tổ chức theo quy định đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Đội ngũ CBGV-NV có tinh thần tự giác, ý thức trách nhiệm, vững vàng về chuyên môn có kinh nghiệm tạo được uy tín trong phụ huynh. 100% CBGV có trình độ đại học đạt chuẩn về trình độ để đáp ứng CTGDPT 2018.

- Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có năng lực, linh hoạt, giám nghĩ giám làm và giám chịu trách nhiệm trong công việc chung. Có đủ giáo viên dạy các bộ môn: Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh, GDTC, Tin học có trách nhiệm với công việc. Đội ngũ giáo viên có 38/38 giáo viên đạt trình độ chuẩn.

- Khuôn viên nhà trường gọn gàng sạch đẹp, nhà trường có 26 phòng/31 lớp, có 04 phòng học chức năng gồm: 01 phòng tin học, 01 phòng ngoại ngữ, 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng trải nghiệm, có đầy đủ bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi đảm bảo quy chuẩn của BGD&ĐT, trang thiết bị tương đối đáp ứng yêu cầu phục vụ cho dạy và học.

- Đa số học sinh ngoan, có ý thức rèn luyện, thi đua trong học tập, thực hiện tốt có ý thức trong việc thực hiện nội quy của nhà trường. Phụ huynh học sinh có sự phối hợp và đồng thuận với nhà trường, tạo điều kiện thuận lợi việc huy động học sinh ra lớp.

*** Khó khăn.**

- Diện tích hẹp chưa đảm bảo theo Thông tư 13/2017, cơ sở vật chất kiên cố và bán kiên cố chưa đủ 01 phòng học/01 lớp.

- Năng lực chuyên môn của giáo viên chưa đồng đều, việc tự học, tự rèn của một số giáo viên chưa hiệu quả, chưa sáng tạo trong công việc, đổi mới phương pháp dạy học chưa rõ nét. Một số giáo viên có trình độ đào tạo Đại học tuy nhiên chất lượng dạy học chưa có sự tương đồng chiếm 10,3%. Một số giáo viên có chứng chỉ tiếng anh nhưng thực tế khả năng vận dụng ngoại ngữ trong tìm kiếm tư liệu dạy học còn hạn chế chiếm 30%.

- Nhận thức của một số học sinh chưa đồng đều, một số em còn chậm, kỹ năng sống và các kỹ năng cơ bản còn hạn chế, học sinh còn chưa mạnh dạn, chưa tích cực trong học tập chiếm 35%.

- Một số phụ huynh còn tư tưởng trông chờ i lại, thường xuyên đi làm ăn xa để con ở nhà cho ông bà nên công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình chưa hiệu quả chiếm 25%.

- Hiện tại nhà trường thiếu 01 phòng học tin học và 05 phòng học văn hóa và phòng học đa chức năng, nhà đa năng và một số phòng phụ trợ. Kinh phí đầu tư để mua sắm trang thiết bị dạy học còn hạn chế.

2. Yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến sự phát triển giáo dục.

Trường Tiểu học Hồng Thái Đông có những điểm mạnh, điểm yếu cũng như cơ hội và thách thức ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục của nhà trường như sau:

	Điểm mạnh	Điểm yếu	Ảnh hưởng đến HĐ của nhà trường
Môi trường bên trong	- CBQL đạt chuẩn và có năng lực QTNT linh hoạt, sáng tạo. - Đa số HS chăm ngoan, lễ phép. - Chất lượng giáo dục luôn ổn định, HS đạt nhiều giải cao trong các cuộc thi- giao lưu cấp thị xã, cấp tỉnh. - Các hoạt động dạy học trong nhà trường được tổ chức đa dạng, linh hoạt, phù hợp tình hình nhà trường và địa phương.	- Chưa đảm số lượng GV dạy 2 buổi/ngày; 100% GV đạt trình độ chuẩn. - Một số GV lớn tuổi nên việc UDCNTT còn hạn chế. - Nhiều GV chưa được đào tạo chính quy mà chủ yếu theo hình thức liên thông. - Số lượng phòng học thiếu nên chưa đáp ứng dạy 2 buổi/ngày. - Sân chơi, bãi tập còn thiếu và chưa đạt chuẩn. - HS còn hạn chế về năng lực (tự học, tự giải quyết vấn đề) và KNS (tự bảo vệ, tìm kiếm sự hỗ trợ,...)	- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày của nhà trường. - Việc UDCNTT của GV còn hạn chế nên ảnh hưởng đến chất lượng dạy học. Chất lượng đội ngũ GV chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới GD hiện nay. - Việc tổ chức dạy học phát triển năng lực, phẩm chất hs. - Ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động ngoài trời - Tổ chức dạy học hoạt động trải nghiệm, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, ...

		- Ngân sách chưa đủ để đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.	- Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.
Môi trường bên ngoài	- CNTT phát triển nhanh như vũ bão. - Trình độ dân trí ngày càng được nâng cao. - Sự phát triển kinh tế của địa phương. - Cơ chế, chính sách của địa phương về giáo dục.	- CNTT phát triển nhanh như vũ bão (ko theo kịp, ko nắm bắt, ko điều khiển được,...)	- Việc tuyên truyền các chủ trương đường lối, các văn bản chỉ đạo các cấp, kế hoạch tổ chức HDDH và GD của nhà trường nhanh chóng thuận lợi. - Nhà trường nắm bắt và vận dụng CNTT vào dạy học và quản trị nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. - Giúp nhà trường phối hợp giáo dục HS tốt hơn. - Tạo thuận lợi cho nhà trường trong công tác huy động nguồn kinh phí XHH giáo dục.

II. Quy mô trường, lớp, học sinh.

1. Kết quả thực hiện năm học 2019-2020.

1.1. Quy mô số lớp, số học sinh.

	Số lớp	Số học sinh	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
			Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
Học sinh	28	902	6	178	7	228	6	199	5	160	4	137
- Nữ		436		72		92		65		83		104
- Dân tộc ít người		10		0		2		4		3		1
Học 6 buổi/tuần												
Học 7 buổi/tuần	06	131	2	39	2	51	2	41				
Học 8 buổi/tuần	05	177			5	177						
Học 9 buổi/tuần	17	594	4	139			4	158	5	160	4	137
Học 10 buổi/tuần												
HS học ngoại ngữ:	28	902										
- T. Anh 2 tiết/tuần	13	406	6	178	7	228						
- T. Anh 4 tiết/tuần	15	496					6	199	5	160	4	137
HS học Tin học	18	563			5	175	6	175	6	206	6	182
HS nghèo, khó khăn		33		5		5		7		6		10
HS khuyết tật		03		1				2				

- Tổng số điểm trường: 03 điểm trường (01 điểm trường chính, 02 điểm trường lẻ).

2. Kế hoạch năm học 2020-2021.

2.1. Quy mô số lớp, số học sinh.

	Số	Số	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
--	----	----	-------	-------	-------	-------	-------

	lớp	học sinh	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
Học sinh	31	976	7	204	6	181	7	228	6	199	5	164
- Nữ		498		104		90		125		98		81
- Dân tộc ít người		12		2		0		2		5		3
Học 6 buổi/tuần												
Học 7 buổi/tuần	06	181	0	0	6	181	0	0	0	0	0	0
Học 8 buổi/tuần	07	228	0	0	0	0	7	228	0	0	0	0
Học 9 buổi/tuần	18	567	7	204	0	0	0	0	6	199	5	164
Học 10 buổi/tuần												
HS học ngoại ngữ:	31	976	7	204	6	181						
- T. Anh 2 tiết/tuần	12	385	6	176	6	158						
- T. Anh 4 tiết/tuần	18	591					7	228	6	199	5	164
HS học Tin học	18	591					7	228	6	199	5	164
HS nghèo, khó khăn		39		10		7		7		8		7
HS khuyết tật		05		2		1				2		

- Tổng số điểm trường: 03 điểm trường (01 điểm trường chính, 02 điểm trường lẻ).

2.3. Dự kiến sát nhập: Không

2.4. Nhận xét đánh giá.

- So với năm học 2019-2020 quy mô lớp học tăng 03 lớp, tỉ lệ học sinh tăng 78 học sinh.

III. Việc huy động học sinh.

1. Kết quả thực hiện năm học 2019-2020.

1.1. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học.

- Hoàn thành chương trình tiểu học: 164/164 HS đạt tỉ lệ 100%
- Hoàn thành chương trình lớp học: 975/976 đạt tỉ lệ 99,9%
- Chưa hoàn thành chương trình lớp học: 01/976 HS chiếm tỉ lệ 0,1%

1.2. Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1.

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi ra lớp, không có học sinh bỏ học.
- Tỷ lệ học sinh học 2b/ngày:
- + 100% học sinh được bố trí học 02 buổi/ngày.
- + Chỉ đạo dạy các hoạt động giáo dục trong nhà trường cụ thể: Khối 1: 32 tiết/tuần. Khối 2,3,4,5: 28 - 30 tiết/tuần.

Khối 1: 178 HS - Nữ: 87 HS	Khối 4: 160 HS - Nữ: 80 HS
Khối 2: 228 HS - Nữ: 123 HS	Khối 5: 137 HS - Nữ: 65 HS
Khối 3: 199 HS - Nữ: 99 HS	

1.3. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Duy trì PCGDTH giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3, công nhận xóa mù chữ mức độ 2. Làm tốt công tác tham mưu cho Ban chỉ đạo của xã Hồng Thái Đông về phổ cập giáo dục. Huy động và phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường để tổ chức tốt ngày "Toàn dân đưa trẻ đến trường".

Phối hợp chặt chẽ với các trường trong địa bàn phường để cập nhật và quản lý hồ sơ phổ cập có hiệu quả trên phần mềm trực tuyến.

2. Kế hoạch năm học 2020-2021.

2.1. Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1.

- Huy động: 204/204 HS.

- Tỷ lệ học sinh học 2b/ngày: 976/976 HS đạt tỉ lệ 100%

Khối 1: 204 HS - Nữ: 104 HS	Khối 4: 199 HS - Nữ: 98 HS
Khối 2: 181 HS - Nữ: 90 HS	Khối 5: 164 HS - Nữ: 81 HS
Khối 3: 228 HS - Nữ: 125 HS	

- Tỉ lệ học sinh là người DTTS được học 2b/ngày đạt 100%.

2.2. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Tiếp tục thực hiện công tác phổ cập giáo dục tiểu học theo Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/03/2016 Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Tăng cường công tác chủ nhiệm để quản lý học sinh. Phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh, sử dụng tốt các kênh thông tin giữa gia đình và nhà trường. Phân công các nhóm điều tra độ tuổi trên địa bàn trường quản lý khoa học đảm bảo chính xác.

2.3. Số lượng GV ngoại ngữ, Tin học thực hiện CTGDPT 2018.

- GV Ngoại ngữ: 02 đồng chí

- GV Tin học: Hợp đồng lao động 01 đồng chí

2.4. Nhận xét, đánh giá.

- Nhà trường bố trí lớp 3,4,5 học Tiếng Anh theo chương trình thí điểm của Bộ GD&ĐT, Khối 2,3,4,5 học Tin học Tự chọn trên tinh thần tự nguyện đăng kí.

- Nhà trường có 02 GV giảng dạy Tiếng Anh và hợp đồng 01 GV giảng dạy Tin học nên đảm bảo điều kiện tối thiểu trong việc bố trí học Tiếng Anh, Tin học tại trường.

IV. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

1. Kết quả thực hiện năm học 2020-2021.

1.1. Số lượng người làm việc.

- Tổng số người làm việc được giao: Biên chế được giao: 50 người, Biên chế có mặt: 44, cụ thể:

Diễn giải	Hiện có	Thừa	Thiếu
1.1. Ban giám hiệu	03		
- Hiệu trưởng	1		
- Phó Hiệu trưởng	2		
1.2. Giáo viên:	38		
- GV văn hóa	31		3
- GV ngoại ngữ	2		1

- Âm nhạc	1		
- Mĩ thuật	2		
- Thể dục	1		1
- Tin học	0		1
1.3. Tổng phụ trách Đội	1		
1.4. Nhân viên	3		
- Thư viện + TBDH	0		01
- Kế toán	1		
- Văn thư-Thủ quỹ	1		
- Y tế trường học	1		
TỔNG SỐ	49	0	Thiếu 06 GV, 1 nhân viên

1.2. Thực trạng đội ngũ năm 2020-2021.

- Tổng số người làm việc có mặt đến tháng 3/2020: 44 trong đó (CBQL: 03, GV: 38, Nhân viên: 03)

- Trình độ chuyên môn của giáo viên:

+ Thạc sỹ: 0 người (chiếm 0%)

+ Đại học: 24 người (chiếm 84,1%)

+ Cao đẳng: 14 người (chiếm 22,7%)

+ Trung cấp: 01 người (chiếm 2,2%)

- Trình độ lý luận chính trị: 05; Trình độ quản lý: 03

- Đảng viên: 30 người (chiếm 75%)

- Đoàn viên Thanh niên: 10 người (chiếm 22,7%)

- Tỷ lệ đạt chuẩn: 100%

- Tỷ lệ GV/lớp: 1.23 chưa đảm bảo đủ giáo viên để đảm bảo dạy 02 buổi/ ngày 9-10 buổi/ tuần.

1.3. Kết quả bồi dưỡng CBQL, GV, NV.

- Chuẩn nghề nghiệp giáo viên:

Xếp loại Tốt: 16/38 người đạt 42,1%;

Xếp loại Khá: 12/38 người đạt 31,6%;

Xếp loại Đạt: 10/38 người chiếm 26,3 %,

Xếp loại Chưa đạt: 0 người chiếm 0%.

- Chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng:

+ Tự đánh giá chuẩn Hiệu trưởng: 01 người, xếp loại: Tốt

+ Tự đánh giá chuẩn Phó Hiệu trưởng: 02 người, xếp loại: Tốt

1.4. Đội ngũ GV để thực hiện CTGDPT 2018.

- Xây dựng kế hoạch triển khai tập huấn cho giáo viên thực hiện CTGDPT 2018 thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn của trường, hội nghị tập huấn, chuyên đề cấp thị xã về dạy học sách giáo khoa lớp 1. Thực hiện tốt chương trình GDPT

2018 đối với lớp 1 trong năm học 2020-2021. Chủ động xây dựng kế hoạch phân công giáo viên dạy học lớp 1 năm học 2020-2021, phối hợp chặt chẽ với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, các nhà xuất bản có sách giáo khoa được lựa chọn tổ chức bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy học lớp 1 về Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tìm hiểu về chương trình sách giáo khoa, hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 2 nhằm chuẩn bị tốt cho năm học 2020-2021.

- Thực hiện các quy định về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý cốt cán và giáo viên cốt cán các môn học để triển khai bồi dưỡng gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và giao lưu cụm trường. Khuyến khích giáo viên tăng cường thực hiện công tác tự bồi dưỡng chuyên môn và thực hiện nghiêm túc các modul đã được bồi dưỡng.

- Tổ chức bồi dưỡng công tác nghiên cứu khoa học giáo dục tạo điều kiện cho CBGV-NV được học tập trao đổi cách viết đề tài, SKKN, giải pháp sáng tạo, cách làm mới...trong dạy học và quản lý. Chia sẻ kết quả nghiên cứu trước hội đồng khoa học của trường để nhân rộng triển khai. Hội đồng khoa học nhà trường đánh giá xếp loại chuyên cấp trên.

- Lựa chọn đội ngũ giáo viên đảm bảo số lượng và chất lượng để thực hiện kế hoạch bồi dưỡng giáo viên và ưu tiên cho giáo viên đảm nhiệm dạy khối lớp 2 tiếp cận thực hiện Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2021-2022.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

2. Kế hoạch năm học 2020-2021.

2.1. Tổng số người làm việc được giao: 51 người. Trong đó(CBQL: 03, GV: 45, Nhân viên: 03)

2.2. Tổng số người làm việc có mặt đến tháng 09/2024: 44 trong đó (CBQL: 03, GV: 38, Nhân viên: 03)

- Tỷ lệ đạt chuẩn: 100%

- Tỷ lệ GV/lớp: 1,23

2.3. Kế hoạch đội ngũ GV để thực hiện CTGDPT 2018.

- Chú trọng bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên về quan điểm, nội dung đổi mới giáo dục phổ thông theo Nghị quyết 29/NQ-TW.

- Đảm bảo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp, thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai CTGDPT 2018 theo lộ trình.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học.

- Tổ chức bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy học các nội dung bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT đáp ứng thực hiện CTGDPT 2018.

2.4. Kế hoạch bồi dưỡng CBQL, GV, NV.

- 100% CB, GV hoàn thành chương trình BDTX:

+ CBQL: 03 đ/c. Đạt yêu cầu = 100%

+ Giáo viên: Giỏi: 30/38 đ/c = 78,9%; Khá: 08 đ/c = 21,1%; ĐYC: 0 đ/c

- Đánh giá xếp loại chuẩn Hiệu trưởng.

+ Mức tốt: 01 đ/c.

- Đánh giá xếp loại chuẩn Phó Hiệu trưởng.

+ Mức tốt: 02 đ/c.

- Đánh giá GV theo chuẩn GVNN:

+ Mức tốt: 16; Mức Khá: 12; Mức Đạt: 10; Chưa đạt: 0

3. Nhận xét, đánh giá.

* *Thuận lợi*: Đội ngũ GV nhà trường có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có năng lực sư phạm vững vàng, luôn cập nhật và đi đầu trong mọi hoạt động chung của nhà trường, tích cực và tự giác tham gia các cuộc thi do các cấp tổ chức.

* *Khó khăn*: Hiện tại năm học 2019-2020, 2020-2021 thiếu 06 GV (04 GVVH, 01 GVTD, 01GV tin học). Khả năng ứng dụng những công nghệ mới, phần mềm mới còn hạn chế đối với một số giáo viên nên khi tham gia cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử chưa đạt kết quả như mong muốn.

V. Cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia năm học 2019-2020 và kế hoạch năm học 2020-2021.

1. Kết quả thực hiện năm học 2019-2020.

- Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên các điểm mạnh và điểm yếu đã xác định của từng tiêu chí. Phân công các nhóm công tác thực hiện thu thập xử lý các thông tin minh chứng theo từng năm học. Thường xuyên rà soát các tiêu chí trong 5 tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc gia để bổ sung nâng cấp. Duy trì và giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

2. Kế hoạch năm học 2020-2021.

Thực hiện hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia chu kỳ 2016-2021.

- Tham mưu với các cấp có thẩm quyền đề nâng cấp, bổ sung các hạng mục còn thiếu so với chuẩn quy định. Làm tốt công tác tuyên truyền nhận thức trong cán bộ, giáo viên, nhân viên, các lực lượng tham gia giáo dục về các tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc gia.

- Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên các điểm mạnh và điểm yếu đã xác định của từng tiêu chí. Phân công các nhóm công tác thực hiện thu thập xử lý các thông tin minh chứng theo từng năm học. Thường xuyên rà soát các tiêu chí trong 5 tiêu chuẩn của trường chuẩn Quốc gia để bổ sung nâng cấp. Hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

3. Nhận xét, đánh giá.

- Tỷ lệ giáo viên đứng lớp chưa đạt tỷ lệ theo các văn bản hướng dẫn nên việc sắp xếp TKB cho các môn học giờ chính khóa còn gặp nhiều khó khăn. Hiện tại nhà trường còn có 14 phòng học diện tích nhỏ, thiếu 04 phòng học văn hóa, phòng học đa chức năng, nhà đa chức năng theo Thông tin 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT năm 2020.

- Trong quá trình thu thập minh chứng một số minh chứng còn thiếu trong các năm học, các minh chứng cần phải chỉnh sửa. Nhà trường được công nhận trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2 vào năm 2018 và trường đạt Chuẩn kiểm định chất lượng GD mức độ 3 vào năm 2015. Theo lộ trình năm 2020 nhà trường sẽ thực hiện đánh giá lại trường đạt Chuẩn Quốc gia, trường đạt KĐCLGD nhưng do CSVN nhà trường chưa đảm bảo xét về các quy định đánh giá tại Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 về việc quy định về kiểm định CLGD và công nhận lại trường đạt Chuẩn Quốc gia đối với trường Tiểu học nhà trường hiện không đạt các quy định về Tiêu chuẩn 3, Tiêu chuẩn 2 nên việc thực hiện đánh giá đề nghị công nhận lại trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2 và Kiểm định chất lượng mức độ 3 đến thời điểm hiện tại nhà trường chưa thực hiện được.

VI. Tổng hợp kinh phí.

1. Kết quả thực hiện năm học 2019-2020.

1.1. Tổng số kinh phí được cấp: 6.771.475.600đ

- Kinh phí chi thường xuyên: 6.211.000.000đ

- Chi thanh toán cá nhân: 5.098.000.000đ đạt tỷ lệ: 75,3%

1.2. Kinh phí không thường xuyên: 560.475.600đ. Trong đó chưa cấp nguồn chế độ chính sách học sinh.

1.3. Chi mua sắm CSVN: 520.000.000đ

1.4. Chi đầu tư: Không

1.5. Việc thực hiện tự chủ: Không

1.6. Nhận xét, đánh giá.

Đủ kinh phí chi trả các khoản đảm bảo chế độ cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên và hỗ trợ học sinh theo quy định.

2. Dự toán năm 2021.

1.1. Tổng số kinh phí được cấp: 6.518.912.900đ

- Kinh phí chi thường xuyên: 6.172.000.000đ

- Chi thanh toán cá nhân: 5.098.000.000đ đạt tỷ lệ: 75,3%

1.2. Kinh phí không thường xuyên: 5.114.000đ. Trong đó chưa cấp nguồn chế độ chính sách học sinh.

1.3. Chi mua sắm CSVC: 340.000.000đ

1.4. Chi đầu tư: Không

1.5. Việc thực hiện tự chủ: Không

1.6. Nhận xét, đánh giá.

Đủ kinh phí chi trả các khoản đảm bảo chế độ cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên và hỗ trợ học sinh theo quy định.

VII. Kiến nghị, đề xuất.

1. UBND xã Hồng Thái Đông.

- Đề nghị: UBND xã Hồng Thái Đông tham mưu với UBND thị xã Đông Triều tạo điều kiện bổ sung đội ngũ còn thiếu, bổ sung xây mới 06 phòng học văn hóa và một số phòng đa chức năng. Sửa chữa nâng cấp các phòng học để đáp ứng các tiêu chuẩn về đánh giá lại trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng mức độ 3 vào năm 2021.

2. SGD&ĐT-PGD&ĐT.

- Tham mưu với lãnh đạo cấp trên bổ sung giáo viên còn thiếu, nâng cấp, sửa chữa, bổ sung, xây mới 04 phòng học văn hóa và một số phòng chức năng để đảm bảo đánh giá lại trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2 và Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 vào năm 2021.

3. UBND thị xã.

- Tạo điều kiện bổ sung đội ngũ còn thiếu, bổ sung, nâng cấp, xây mới 04 phòng học văn hóa và một số phòng đa chức năng. Sửa chữa nâng cấp các phòng học để đáp ứng các tiêu chuẩn về đánh giá lại trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng mức độ 3 vào năm 2021.

Trên đây là Kế hoạch phát triển của trường Tiểu học Hồng Thái Đông năm học 2020-2021./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (báo cáo);
- UBND xã(báo cáo);
- Ban giám hiệu (c/d, th/h);
- CB, GV, NV (th/h);
- Công đoàn nhà trường (p/h);
- Ban đại diện CMHS nhà trường (p/h);
- Các tổ chức, đoàn thể của nhà trường (ph/h);
- Lưu VT, BGH.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Quế Nga

Đông Triều, ngày 04 tháng 04 năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 13/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định giao ngân sách số 282/QĐ-PCGD ngày 27/12/2019 của phòng giáo dục và đào tạo thị xã Đông Triều

Trường Tiểu học Hồng Thái Đông công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2020 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2020	Thực hiện quý I năm 2020	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	-		
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	-	0	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	6,211,000,000	1,227,253,152	20	118.63
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6,211,000,000	1,227,253,152	20	118.63
1	Chi thanh toán cho cá nhân	5,098,000,000	934,550,380	18	102.21
	Mục 6000: Tiền lương	2,336,280,000	457,132,000	20	101.69
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	268,000,000	44,041,200	-	92.27
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1,763,400,000	297,856,366	17	112.13
	Mục 6200: Tiền thưởng	30,000,000		0	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	20,000,000		0	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	680,320,000	135,520,814	20	89.48

	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1,085,000,000	265,032,772		239.89
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	80,000,000	45,251,472	57	1,887.52
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	60,000,000	11,500,000	19	-
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên	20,000,000	49,080,700	245	979.25
	Mục 6650: Hội nghị	21,000,000	-	0	-
	Mục 6700: Công tác phí	48,000,000	2,100,000	4	89.36
	Mục 6750: Chi phí thuê mượn	136,000,000	26,637,600	20	108.19
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	200,000,000	121,857,000	61	167.51
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	160,000,000	-	0	-
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	360,000,000	-	0	-
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	-	5,600,000	-	-
	Các khoản chi khác	28,000,000	27,670,000	99	285.01
3	Mục 7750: Chi khác	28,000,000	27,670,000	99	285.01
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.				
	Mục 6100: Phụ cấp lương				
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học				

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Quế Nga